

C QUAN THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG

B N THUY T MINH

Thông t quy L nh v ho t L ng bao thanh toán c a t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài

I. S c n thi t ban hành Thông t

Quy t L nh s 1096/2004/Qñ -NHNN ngày 06/9/2004 c a Th ng L c Ngân hàng Nhà n c v vì c ban hành Quy ch ho t L ng bao thanh toán c a t ch c tín d ng (L c s a L i b i Quy t L nh s 30/2008/Qñ -NHNN ngày 16/10/2008) Lã s m t o ra khung pháp lý Li u ch nh ho t L ng bao thanh toán c a các t ch c tín d ng t i Vi t Nam. Tì p Ló, Lu t các T ch c tín d ng n Năm 2010 Lã lu t hóa khái ni m bao thanh toán, quy L nh bao thanh toán là m t trong các ho t L ng c p tín d ng c a t ch c tín d ng. Tuy nhiên, khái ni m bao thanh toán t i Lu t các T ch c tín d ng có nh ng L i m khác bi t c b n so v i khái ni m bao thanh toán t i Quy t L nh s 1096, do v y m t s n i dung quy L nh t i Quy t L nh s 1096 không còn phù h p. Bên c nh Ló, trong b i c nh n n kinh t Vi t Nam h i nh p ngày càng sâu r ng, các ho t L ng nghi p v c a t ch c tín d ng phát tri n ngày càng La d ng, d i nhi u hình th c và tì n d n L n các thông l qu c t , vì c ban hành m t v N b n m i L thay th Quy t L nh s 1096 và h ng d n c th Lu t các T ch c tín d ng 2010 là r t c n thi t.

Th c hi n ch L o c a Th ng L c NHNN giao C quan Thanh tra, giám sát ngân hàng ch trì xây d ng Thông t thay th Quy t L nh s 1096, C quan Thanh tra, giám sát ngân hàng Lã tì n hành kh o sát ho t L ng bao thanh toán trên c s báo cáo, L xu t, kì n ngh c a các t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài, nghiên c u thông l qu c t liên quan L n ho t L ng bao thanh toán và đ th o Thông t quy L nh v ho t L ng bao thanh toán c a t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài.

II. C s pháp lý hi n hành v ho t L ng bao thanh toán

1. Lu t Các t ch c tín d ng

Kho n 17 ã i u 4 quy L nh: *ó Bao thanh toán là hình th c c p tín d ng cho bên bán hàng ho c bên mua hàng thông qua vì c mua l i có b o l u quy n truy L òi các kho n ph i thu ho c các kho n ph i tr phát sinh t vì c mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v theo h p L ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v ô.*

2. Quy t L nh s 1096/2004/Qñ -NHNN ngày 06/9/2004 c a Th ng L c Ngân hàng Nhà n c (NHNN) ban hành Quy ch v ho t L ng bao thanh toán c a các t ch c tín d ng (Quy t L nh s 1096).

3. Quy t L nh 30/2008/Qñ -NHNN ngày 16/10/2008 Quy t L nh s a L i, b sung m t s Li u c a Quy ch ho t L ng bao thanh toán c a các t ch c tín d ng ban hành theo Quy t L nh 1096 (Quy t L nh s 30).

4. ñ i u 8 Thông t 24/2011/TT-NHNN v vi c th c thi ph ng án L n gi n hóa th t c hành chính l i h v c thành l p và ho t L ng ngân hàng theo các Ngh quy t c a Chính ph v L n gi n hóa th t c hành chính thu c ph m vi ch c n ñ ng qu n lý c a NHNN quy L nh: Bãi b ñ i u 5, ñ i u 8, ñ i u 9 Quy t L nh s 1096/2004/Qñ -NHNN và bãi b Kho n 4, 5 ñ i u 1 Quy t L nh s 30/2008/Qñ -NHNN, theo Ló b quy L nh v h s ch p thu n c p phép, trình t th t c ch p thu n ho t L ng bao thanh toán và m t s Li u ki n L ti n hành ho t L ng bao thanh toán.

5. Công v ñ s 676/NHNN-CSTT ngày 28/6/2005 v vi c c c u l i th i h n tr n , chuy n n quá h n L i v i ho t L ng bao thanh toán c a TCTD quy L nh các t ch c tín d ng th c hi n vi c c c u l i th i h n tr n thanh toán L i v i các h p L ng bao thanh toán theo hai ph ng th c: Li u ch nh k m h n thanh toán và gia h n thanh toán; quy L nh v phân lo i n bao thanh toán.

6. Công v ñ s 1444/CV-KTTC2 ngày 31/9/2005 quy L nh v vi c h ch toán nghi p v bao thanh toán.

7. V ñ b n s 991/NHNN-TTGSNH ngày 19/2/2013 h ng d n các t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài th c hi n ho t L ng bao thanh toán quy L nh t i Quy t L nh s 1096/2004/Qñ -NHNN quy L nh k t th i Li m Lu t Các t ch c tín d ng có hi u l c (ngày 01/01/2011), t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài ch L c th c hi n ho t L ng bao thanh toán theo quy L nh t i Kho n 17 ñ i u 4 Lu t Các t ch c tín d ng, tr các tr ng h p th c hi n quy L nh t i Kho n 4 ñ i u 161 Lu t này.

8. ñ i u 11 Ngh L nh s 39/2014/Nñ -CP ngày 07/5/2014 v ho t L ng c a công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính quy L nh v Li u ki n L các công ty tài chính L c th c hi n ho t L ng bao thanh toán.

9. Thông t s 14/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 v vi c s a L i, b sung m t s Li u c a Quy t L nh s 1096/2004/Qñ -NHNN ngày 06 tháng 9 n ñ m 2004 ban hành quy ch ho t L ng bao thanh toán c a các t ch c tín d ng, Quy t L nh s 30/2008/Qñ -NHNN ngày 16 tháng 10 n ñ m 2008 v vi c s a L i, b sung m t s Li u c a Quy ch ho t L ng bao thanh toán c a các t ch c tín d ng ban hành theo Quy t L nh s 1096/2004/Qñ -NHNN và Thông t s 30/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 11 n ñ m 2014 quy L nh v y thác và nh n y thác c a t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài.

III. M t s n i dung chính c a D th o Thông t

D th o Thông t L c b c c thành 04 Ch ng và 24 ñ i u, bao g m các n i dung ch y u sau:

1. Ch ng I: Quy L nh chung (05 ñ i u)

- **Điều 1** Phạm vi Áp dụng: quy định về hoạt động bao thanh toán của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng.

- **Điều 2** Đối tượng áp dụng: (i) Tổ chức tín dụng bao gồm ngân hàng thương mại, công ty tài chính thương mại và công ty tài chính bao thanh toán; (ii) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (iii) Khách hàng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (iv) Tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động bao thanh toán của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Sở dĩ quy định tại Quy định 1096, Điều 10 Thông tư Lãi suất Công ty cho thuê tài chính ra khi ban hành quy định này là vì Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính không quy định về hoạt động bao thanh toán và vì Công ty cho thuê tài chính (chỉ quy định về hoạt động bao thanh toán và vì công ty tài chính).

- **Điều 3** Giải thích từ ngữ

Trong phần giải thích từ ngữ, các khái niệm được rà soát, sắp xếp để phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng. Bổ sung khái niệm ở phần quy định truy đòi để giải thích các khái niệm bao thanh toán để nêu từ khoản 17 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng.

- **Điều 4.** Trường hợp không được bao thanh toán, hạn chế bao thanh toán và trách nhiệm giải hạn bao thanh toán

+ Bổ sung quy định không được chấp nhận tín dụng, hạn chế chấp nhận tín dụng và giải hạn chấp nhận tín dụng theo Điều 126, 127 và 128 Luật các tổ chức tín dụng;

+ Bổ sung nội dung các khoản phí thu không được bao thanh toán phát sinh từ hợp đồng cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực xây dựng.

+ Đối với các khoản phí thu phát sinh từ hợp đồng cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng theo phôi kèm theo Quy định số 30, Điều 10 Thông tư dẫn chiếu lĩnh vực xây dựng quy định của Thủ tục Chính phủ và Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam (Quy định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tục Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) để xác định các thủ tục nghiệp vụ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng không được bao thanh toán.

- **Điều 5** Quy định nội bộ về hoạt động bao thanh toán

Nhằm tăng tính an toàn cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi thực hiện hoạt động bao thanh toán và để phù hợp với quy định tại Điều 93 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 10 Thông tư quy định rõ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải ban hành, sắp xếp, bổ sung hoặc thay thế quy định nội bộ về hoạt động bao thanh toán và các quy định khác có trong quy định nội bộ về hoạt động bao thanh toán. Quy định nội bộ về hoạt động bao thanh toán của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro.

2. Chương II: Quy Định chung (15 điểm)

- Điểm 6 Loại hình bao thanh toán

+ Các loại hình bao thanh toán gồm: Bao thanh toán trong nước, Bao thanh toán bên bán hàng trong nước, Bao thanh toán bên mua hàng trong nước; Bao thanh toán quốc tế, Bao thanh toán bên xuất khẩu, Bao thanh toán bên nhập khẩu.

+ Bề hình thức bao thanh toán có quy định truy Lỗi và bao thanh toán không có quy định truy Lỗi.

- Điểm 7 Phương thức bao thanh toán quy Định có 03 phương thức bao thanh toán gồm: Bao thanh toán tín dụng, bao thanh toán theo hối phiếu và bao thanh toán hối phiếu.

- Điểm 8 Yêu cầu thực hiện bao thanh toán quy Định trên cơ sở thống nhất nội dung quản trị trong quy trình tại Quy Định 1096, Quy Định 30 và bổ sung một số nội dung mang tính yêu cầu bắt buộc khi thực hiện hoạt động bao thanh toán.

- Điểm 9 Hình thức bao thanh toán quy Định một số nội dung tối thiểu đối với hình thức bao thanh toán.

- Điểm 10 Quy Định về Đăng tin Đăng số trong hoạt động bao thanh toán, trong đó quy Định về bao thanh toán thực hiện bao thanh toán bằng Ngân Việt Nam. Ngân hàng bao thanh toán Đăng thực hiện bao thanh toán bằng ngoại tệ trong trường hợp khách hàng là Đăng nhập Đăng vay ngoại tệ theo quy Định của pháp luật về cho vay bằng ngoại tệ.

- Điểm 11 Lãi và phí trong hoạt động bao thanh toán

+ Lãi và phí bao thanh toán do các bên thỏa thuận đối với hình thức bao thanh toán và phù hợp với quy Định của pháp luật. Mức lãi suất bao thanh toán Đăng tính theo $\frac{t}{360} \times \text{lãi suất}$ và phí Đăng ghi trong hình thức bao thanh toán.

+ Khi Đăng nhập thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không Đăng nhập gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận của Đăng nhập bao thanh toán và khách hàng trong hình thức bao thanh toán, thì khách hàng phải trả lãi như sau:

(i) Lãi suất áp dụng trên số tiền Đăng nhập bao thanh toán Đăng nhập cho khách hàng quá hạn do Đăng nhập bao thanh toán thỏa thuận với khách hàng trong hình thức bao thanh toán nhưng không vượt quá 150% lãi suất bao thanh toán trong hạn;

(ii) Trường hợp khách hàng không trả lãi Lúng hạn hoặc trả không Đăng nhập thì khách hàng còn phải trả mức lãi suất theo thỏa thuận đối với hình thức bao thanh toán và phù hợp với quy Định của pháp luật Đăng nhập vào khoản lãi chậm trễ trong thời gian chậm trễ.

+ Ngân hàng bao thanh toán phải thông tin trung thực, chính xác cho khách hàng về phí, lãi suất áp dụng Đăng nhập khách hàng xem xét, quy Định vì ký kết hình thức bao thanh toán.

- **Điều 12** Các chủ thể trong quy định về bảo thanh toán xem xét quy định về các chủ thể trong trên cơ sở đồng ý của khách hàng, Lãnh giá khách hàng và khách hàng tài chính của bảo thanh toán.

- **Điều 13, Điều 14** quy định về quá trình, bổ sung cho hoạt động bảo thanh toán

- **Điều 15** Hoạt động bảo thanh toán bằng phương tiện điện tử

Vì xu hướng phát triển của hoạt động bảo thanh toán hiện nay, để bảo vệ lợi ích của các TCTD cho phép các TCTD, chi nhánh NHNN có thể tiến hành thanh toán bên mua hàng, vì bổ sung quy định về bảo thanh toán bằng phương tiện điện tử là cần thiết.

- **Điều 16, Điều 17** quy định về phân loại, trích lập dự phòng rủi ro và sổ đăng dự phòng rủi ro liên quan đến hoạt động bảo thanh toán và hạch toán kế toán, thuế và báo cáo.

- **Điều 18, Điều 19, Điều 20** quy định quy định và nghĩa vụ của bảo thanh toán, của bên bán hàng, của bên mua hàng phù hợp với nội dung quy trình bảo thanh toán tại Điều 8 Điều lệ Thông tin.

3. Chương III: Quy định và nghĩa vụ của các bên có liên quan và trách nhiệm của các bên thu của Ngân hàng Nhà nước (01 điều)

- **Điều 21** Trách nhiệm của các bên thu của Ngân hàng Nhà nước quy định trách nhiệm của các bên thu của Ngân hàng Nhà nước.

4. Chương IV: Điều khoản thi hành (03 điều)

Chương IV quy định hiệu lực thi hành của Thông tin, điều khoản chuyển tiếp và việc chuyển đổi từ Thông tin.

- **Điều 22** Điều khoản chuyển tiếp quy định hiệu lực của các hợp đồng bảo thanh toán được ký kết trước ngày Thông tin này có hiệu lực thi hành và phù hợp với quy định của pháp luật về thẩm quyền ký kết, bảo thanh toán và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn hợp đồng.

- **Điều 23** quy định hiệu lực thi hành của Thông tin và hiệu lực thi hành của các văn bản, quy định.

- **Điều 24** quy định về việc chuyển đổi.

IV. Mục tiêu và nội dung xin ý kiến

1. Phạm vi liên quan của Điều lệ Thông tin

Trên thế giới, khái niệm bảo thanh toán được các tổ chức (Công ước Unidroit 1998¹, Hiệp hội FCI² và GRIF³) quy định khá thống nhất. Theo đó,

¹ Công ước Bảo thanh toán quốc tế 1988 (Unidroit Convention on International Factoring Ottawa 28/5/1988, Chương I- Điều 1, khoản 2).

² Hiệp hội bảo thanh toán quốc tế; <https://www.fci.nl/en/about-factoring/index>.

³ General Rules for International Factoring- 2013, Chương 1, Điều 1.

bao thanh toán là dịch vụ tài chính trên gói của công ty tài chính, ngân hàng (Lên và bao thanh toán) cho bên bán hàng có trên giá trị khoản phải thu của bên bán hàng phát sinh từ việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa bên mua hàng và bên bán hàng. Dịch vụ tài chính trên gói này bao gồm: (i) Công tính dòng (nguồn) dựa trên khoản phải thu, (ii) Quản lý, theo dõi sổ sách, hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản phải thu, (iii) Thu nợ liên quan đến các khoản phải thu, (iv) Quản lý rủi ro tín dụng, phòng ngừa rủi ro mất mát cho bên bán hàng. Theo quy định của Công ước *Unidroit* 1998, Lên và bao thanh toán phải thực hiện tại thị trường 02 trong số 04 dịch vụ trên, trong khi đó, Quy định chung về bao thanh toán quốc tế (*GRIF*) quy định Lên và bao thanh toán chỉ cần thực hiện một trong số 04 dịch vụ này.

Như vậy, hoạt động bao thanh toán theo thông lệ quốc tế không nhất thiết là hoạt động công tính dòng. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 17 điều 4 Luật các TCTD 2010, "*Bao thanh toán là hình thức công tính dòng...*", tức là bắt buộc phải có hoạt động công tính dòng. Điều này sẽ dẫn đến việc Lên và bao thanh toán tại Việt Nam chỉ tiến hành 01 trong số 03 dịch vụ (ii), (iii), (iv) nêu trên thì theo quy định của Luật các TCTD như hoạt động này chỉ là một khâu thành hoạt động bao thanh toán.

Điều làm bất phù hợp với quy định của Luật các TCTD, trình bày về Lên và bao thanh toán Việt Nam tham gia bao thanh toán có nguồn gốc từ các ngoài thông qua việc cung cấp mặt hàng (quản lý, theo dõi sổ sách khoản phải thu, thu hồi, điều chỉnh rủi ro tín dụng) thì việc cung cấp những dịch vụ đó không phải tuân theo sự điều chỉnh của Thông lệ về hoạt động bao thanh toán mà chỉ sử dụng điều chỉnh của các quy định liên quan đến việc như hoạt động này. Vì vậy, khoản 2 điều 1 Điều 1 Thông lệ quy định như sau: **“Việc thực hiện công tính dòng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia hoạt động bao thanh toán và Lên và bao thanh toán nước ngoài và không công tính dòng thực hiện theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật và tập quán thương mại quốc tế do Phòng thương mại quốc tế ban hành, tập quán thương mại khác không trái với pháp luật của Việt Nam”**.

2. Điều 1 về khái niệm mô hình luật truy Lỗi

Điều 1 về bao thanh toán bên mua hàng (bao thanh toán ngược), theo thông lệ quốc tế, bản chất của hoạt động bao thanh toán này là hoạt động bao thanh toán không có quy định truy Lỗi. Trong hoạt động bao thanh toán ngược, Lên và bao thanh toán chỉ mua các khoản phải thu từ những bên mua hàng chủ yếu là cao (tức là những bên mua hàng có thông tin minh bạch xác định). Khi đó, Lên và bao thanh toán chỉ cần thu thập thông tin tín dụng và tính toán rủi ro liên quan đến bên mua hàng (là những công ty lớn, có tín dụng danh tiếng) trước khi công tính dòng cho các bên bán hàng là phần là các doanh nghiệp vừa và nhỏ có rủi ro cao. Như vậy, trong hoạt động bao thanh toán ngược sẽ không có hoạt động truy Lỗi tại nguồn bán (vấn đề bản chất là những doanh nghiệp nhỏ có tín dụng thấp nên khó có thể tiếp cận được với nguồn tín dụng), tuy nhiên, rủi ro không vì thế tăng lên vì bên mua hàng là những doanh nghiệp lớn đã được lựa chọn kỹ càng. Điều đáng chính là do việc của hoạt động bao thanh toán ngược vì lẽ khi cần

ro tín d ng chuy n t bên bán hàng (nh cách truy n th ng) sang bên mua hàng.

Tuy nhiên, c¹ theo quy L nh t i Kho n 17 ñ i u 4 Lu t Các t ch c tín d ng, ó Bao thanh toán là hình th c c p tín d ng cho bên bán hàng ho c bên mua hàng thông qua vi c mua l i có b o l u quy n truy Lòi các kho n ph i thu ho c các kho n ph i tr phát sinh t vi c mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v theo h p **L** ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v **ô**. Nh v y, v nguyên t c, tr ng h p c p tín d ng cho bên bán hàng thì b o l u quy n truy Lòi L i v i bên bán hàng; tr ng h p c p tín d ng L i v i bên mua hàng thì b o l u quy n truy Lòi L i v i bên mua hàng (tr ng h p này bên mua hàng v a là L i t ng ph i tr kho n ph i thu, v a là L i t ng b truy Lòi). Do Ló, D th o Thông t gi i thích khái ni m "b o l u quy n truy Lòi" t i nh sau:

ô B o l u quy n truy Lòi là vi c **L** n v bao thanh toán có quy n Lòi l i s ti n **L** ã ng cho khách hàng và lãi, phí bao thanh toán khi bên mua hàng không hoàn thành ngh **L** v thanh toán khi **L** n h n thanh toán theo th a thu n t i h p **L** ng bao thanh toán. Tr ng h p bao thanh toán bên bán hàng trong n c ho c bao thanh toán bên xu t kh u, **L** n v bao thanh toán th c hi n truy Lòi bên bán hàng khi bên mua hàng không tr **L** c n . Tr ng h p bao thanh toán bên mua hàng trong n c và bao thanh toán bên nh p kh u, **L** n v bao thanh toán th c hi n truy Lòi bên mua hàng **ô**.

3. ñ i v i các tr ng h p không **L c bao thanh toán, h n ch bao thanh toán và th c hi n gi i h n bao thanh toán**

- ñ i u 126, 127, 128 Lu t các t ch c tín d ng quy L nh nh ng tr ng h p không **L** c c p tín d ng, h n ch c p tín d ng và gi i h n c p tín d ng. Do Ló, kho n 1 ñ i u 4 D th o Thông t quy L nh nh sau: **ó1. ñ** n v bao thanh toán th c hi n bao thanh toán ph i tuân th các quy L nh t i **ñ** i u 126, **ñ** i u 127, **ñ** i u 128 Lu t Các t ch c tín d ng và h ng d n c a Ngân hàng Nhà n c v tr ng h p không **L** c c p tín d ng, h n ch c p tín d ng, gi i h n c p tín d ng **ô**.

- Theo quy L nh t i kho n 17 ñ i u 4 Lu t các t ch c tín d ng, bao thanh toán là hình th c c p tín d ng, **L** c th c hi n trên c s h p **L** ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v gi a bên bán hàng và bên mua hàng. Do Ló, quy L nh tr ng h p không **L** c bao thanh toán, h n ch bao thanh toán và th c hi n gi i h n bao thanh toán ch nh s a nh sau:

+ B kho n 4 ñ i u 19 Quy t L nh 1096 ó Nh ng kho n ph i thu sau **L**ây không **L** c th c hi n bao thanh toán: Phát sinh t các h p **L** ng bán hàng d i hình th c ký g i; **ô** vì h p **L** ng ký g i không ph i h p **L** ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v .

+ G p kho n 1, 2, 3 ñ i u 19 Quy t L nh 1096 thành ti t a kho n 2 ñ i u 4 D th o Thông t nh sau:

ó2. ñ n v bao thanh toán không **L** c bao thanh toán **L** i v i kho n ph i thu, kho n ph i tr sau **L**ây:

a) Phát sinh t h p **L** ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v b pháp lu t c m ho c **L**ang có tranh ch p;ô.

- ñ i v i h p **L** ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch vu trong l h v c xây d ng, Quy t L nh 1096 không cho phép th c hi n bao thanh toán **L** i v i l h v c này do nh ng kho n ph i thu trong l h v c này th ng có th i gian dài và không Lúng v i b n ch t c a ho t L ng bao thanh toán giúp h tr ngu n v n l u **L** ng c a doanh nghi p. Tuy nhiên, theo xu h ng ho t L ng bao thanh toán quy L nh t i Lu t bao thanh toán m u (Factoring Model Law 2014) do IFG (Interntional Factoring Group) xây d ng, không gi i h n vì c bao thanh toán trong l h v c xây d ng.

Ti t b kho n 2 ñ i u 4 kho n ph i thu và kho n ph i tr phát sinh t h p **L** ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v có th i h n thanh toán còn l i dài h n 180 ngày không **L** c bao thanh toán. Do Ló, nh ng kho n ph i thu phát sinh t h p **L** ng cung ng d ch v trong l h v c xây d ng có th i h n quá 180 ngày s không **L** c bao thanh toán.

Vì v y, D th o Thông t b n i dung các TCTD, chi nhánh NHNNg không **L** c bao thanh toán trên các kho n ph i thu phát sinh t h p **L** ng cung ng d ch v trong l h v c xây d ng.

- ñ i v i các kho n ph i thu phát sinh t h p **L** ng cung ng d ch v trong l h v c tài chính, ngân hàng theo ph l c Lính kèm t i Quy t L nh s 1096 (**L** c s a **L** i, b sung b i Quy t L nh s 30), D th o Thông t d n chỉ u l h v c xây d ng quy L nh c a Th t ng Chính ph v H th ng ngành kinh t c a Vi t Nam (Quy t L nh s 10/2007/Qñ -TTg ngày 23/01/2007 c a Th t ng Chính ph ban hành h th ng ngành kinh t Vi t Nam) **L** xác L nh c th nh ng d ch v trong l h v c tài chính, ngân hàng không **L** c bao thanh toán.

Trên c s **L**ó, ti t d kho n 2 ñ i u 4 D th o Thông t quy **L** nh nh sau:

62. ñ n v bao thanh toán không **L** c bao thanh toán **L** i v i kho n ph i thu, kho n ph i tr sau **L**ây:

d) Phát sinh t h p **L** ng cung ng d ch v trong l h v c tài chính, ngân hàng theo quy **L** nh c a Th t ng Chính ph v H th ng ngành kinh t c a Vi t Nam;ô.

4. ñ i v i yêu c u khi th c hi n bao thanh toán

Nh m t ng quy n ch **L** ng trong ho t L ng cho các TCTD, chi nhánh NHNNg, D th o Thông t không quy L nh c th v quy trình bao thanh toán. Thay vào Ló, D th o Thông t **L** a ra m t s yêu c u khi th c hi n bao thanh toán trên c s t ng h p nh ng Li m quan tr ng trong quy trình bao thanh toán t i Quy t L nh s 1096 và b sung m t s n i dung mang tính yêu c u b t bu c khi th c hi n ho t L ng bao thanh toán. C th :

a) ñ i v i bao thanh toán không thông báo ho c không có cam k t c a bên liên quan

- Quy trình bao thanh toán tại Quy tắc Nh số 1096/2004/QN -NHNN (Lực của Lực, bổ sung bởi Quy tắc Nh số 30/2008/QN -NHNN) quy định:

Ở bên bán hàng ghi và **Nh** bên **thông báo** và **h** **p** **L** **ng** bao thanh toán cho bên mua hàng và các bên liên quan, trong **L** **ó** nêu rõ vì **c** bên bán hàng chuyển giao quy **n** **L** **ò** **n** cho **L** **n** **v** bao thanh toán và **h** **ng** **d** **n** bên mua hàng thanh toán cho **L** **n** **v** bao thanh toán.

Bên mua hàng ghi và **Nh** bên cho bên bán hàng và **L** **n** **v** bao thanh toán **xác nh** **n** **v** vì **c** **L** **ã** **nh** **n** **L** **c** **thông báo** và **cam k** **t** **v** vì **c** **th** **c** **h** **i** **n** **thanh toán** cho **L** **n** **v** bao thanh toán. Trong **h** **p** bên mua hàng không có **Nh** **b** **n** cam k **t** **th** **c** **h** **i** **n** thanh toán cho **L** **n** **v** bao thanh toán thì vì **c** **t** **i** **p** **t** **c** **th** **c** **h** **i** **n** bao thanh toán giữa bên bán và **L** **n** **v** bao thanh toán **s** **đ**o hai bên quy **t** **L** **nh** và **t** **ch** **u** **trách nhi** **m** khi có **r** **i** **ro** **phát sinh**. Như **v** **y**, theo quy **L** **nh** **h** **i** **n** hành, trong **h** **o** **t** **L** **ng** bao thanh toán bên bán hàng, các **L** **n** **v** bao thanh toán không **L** **c** **th** **c** **h** **i** **n** bao thanh toán không thông báo nh **ng** **có** **th** **th** **c** **h** **i** **n** bao thanh toán khi bên mua hàng không có cam k **t** thanh toán.

- **ñ** **i** **v** **i** bao thanh toán không thông báo: **H** **o** **t** **L** **ng** bao thanh toán không thông báo là **m** **t** **hình** **th** **c** bao thanh toán **L** **c** cho phép **t** **i** **n** hành **t** **i** **nhi** **u** **q** **u** **c** **gia** **trên** **th** **g** **i**. Trong **h** **o** **t** **L** **ng** bao thanh toán không thông báo, bên bán hàng và **L** **n** **v** bao thanh toán không thông báo cho bên mua hàng **v** **i** **c** **kho** **n** **ph** **i** **thu** **L** **ã** **L** **c** **chuy** **n** **giao** **cho** **L** **n** **v** bao thanh toán, **đ** **o** **v** **y** **c** **ác** **khâu** **L** **ò** **n** **,** **thu** **n** **v** **n** **L** **c** **t** **i** **n** hành **d** **i** **danh** **ng** **h** **à** **c** **a** **bên** **bán** **hàng**. **Đ** **o** **hình** **th** **c** bao thanh toán không thông báo có **nhi** **u** **r** **i** **ro** **h** **n** **s** **o** **v** **i** **tr** **ng** **h** **p** có thông báo nên **t** **i** **m** **t** **s** **q** **u** **c** **gia** **trên** **th** **g** **i**, các **L** **n** **v** bao thanh toán **L** **t** **ra** **nh** **ng** **yêu** **c** **u** **cao** **h** **n** **L** **i** **v** **i** khách hàng khi **s** **đ** **ng** **hình** **th** **c** **này**.

T **i** **V** **i** **t** **Nam**, **h** **i** **n** **nay**, **m** **t** **s** **TCTD**, **chi** **nhánh** **NHNN** **g** **ó** **nhu** **c** **u** **L** **c** **cung** **c** **p** **d** **ch** **v** **bao** **thanh** **toán** **bên** **bán** **hàng** **không** **thông** **báo** **cho** **khách** **hàng**. **Hình** **th** **c** **này** **phù** **h** **p** **v** **i** **quy** **L** **nh** **c** **a** **B** **l** **u** **t** **dân** **s** **c** **a** **V** **i** **t** **Nam**⁴. **H** **n** **n** **a** **theo** **quy** **L** **nh** **c** **a** **V** **i** **t** **Nam** **h** **i** **n** **nay** **ch** **o** **phép** **th** **c** **h** **i** **n** **bao** **thanh** **toán** **có** **b** **o** **l** **u** **quy** **n** **truy** **L** **ò** **n** **ên** **r** **i** **ro** **trong** **v** **i** **c** **không** **thông** **báo** **không** **l** **n**. **Đ** **o** **L** **ó**, **Đ** **th** **o** **Thông** **t** **cho** **phép** **c** **ác** **TCTD**, **chi** **nhánh** **NHNN** **L** **c** **th** **c** **h** **i** **n** **bao** **thanh** **toán** **không** **thông** **báo** **L** **i** **v** **i** **bao** **thanh** **toán** **bên** **bán** **hàng** **trong** **n** **c**. **Tuy** **nh** **ên**, **Đ** **th** **o** **Thông** **t** **c** **h** **o** **yêu** **c** **u** **L** **n** **v** **bao** **thanh** **toán** **ch** **L** **c** **cung** **c** **p** **hình** **th** **c** **này** **khi** **khách** **hàng** **L** **áp** **ng** **L** **c** **m** **t** **s** **L** **i** **u** **k** **i** **n** **nh** **t** **L** **nh** **nh** **m** **h** **n** **ch** **r** **i** **ro** **cho** **L** **n** **v** **bao** **thanh** **toán**. **C** **th** **kho** **n** **6** **ñ** **i** **u** **8** **quy** **L** **nh** **nh** **sau**:

06. **ñ** **n** **v** **bao** **thanh** **toán** **và** **khách** **hàng** **L** **c** **th** **a** **thu** **n** **v** **v** **i** **c** **không** **thông** **báo** **cho** **c** **ác** **bên** **liên** **quan** **trong** **h** **o** **t** **L** **ng** **bao** **thanh** **toán** **bên** **bán** **hàng** **trong** **n** **c** **và** **L** **áp** **ng** **L** **y** **L** **c** **ác** **L** **i** **u** **k** **i** **n** **sau** **L** **ây**:

⁴ Khoản 2 **ñ** **i** **u** 365 **B** **l** **u** **t** **Dân** **s** **quy** **L** **nh**: "V **i** **c** **chuy** **n** **giao** **quy** **n** **yêu** **c** **u** **không** **c** **n** **có** **s** **L** **ng** **y** **c** **a** **bên** **có** **ng** **h** **à** **v** **.** **Ng** **i** **chuy** **n** **giao** **quy** **n** **yêu** **c** **u** **ph** **i** **thông** **báo** **b** **ng** **v** **ñ** **b** **n** **cho** **bên** **có** **ng** **h** **à** **v** **b** **i** **t** **v** **v** **i** **c** **chuy** **n** **giao** **quy** **n** **yêu** **c** **u**, **tr** **tr** **ng** **h** **p** **có** **th** **a** **thu** **n** **kh** **ác**. **Tr** **ng** **h** **p** **bên** **chuy** **n** **giao** **quy** **n** **yêu** **c** **u** **không** **thông** **báo** **v** **v** **i** **c** **chuy** **n** **giao** **quy** **n** **m** **à** **ph** **át** **sinh** **ch** **í** **ph** **i** **cho** **bên** **có** **ng** **h** **à** **v** **th** **i** **bên** **chuy** **n** **giao** **quy** **n** **yêu** **c** **u** **ph** **i** **thanh** **toán** **ch** **í** **ph** **i** **này**".

a) **N**ên **V** bao thanh toán **L**ãnh giá khách hàng có **E**y **E** **N**hĩng l c tài chính, kh **N**hĩng tr n và không có n x u t i các t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài t i th i **L**i m ký h p **E** ng bao thanh toán;

b) **N**ên **V** bao thanh toán kì m soát **E** c vì c bên mua hàng thanh toán kho n ph i tr cho bên bán hàng **ô**.

- **N**ĩ v i bao thanh toán không có cam k t (bên mua hàng nh n **E** c thông báo nh ng không có cam k t v vì c thanh toán): Quy **E**nh hi n hành cho phép TCTD, chi nhánh NHNN **E** c th c hi n và t ch u trách nhi m khi có r i ro phát sinh. Tuy nhiên, **E** h n ch r i ro cho **E** n v bao thanh toán, D th o Thông t quy **E**nh **E** n v bao thanh toán ch **E** c th c hi n bao thanh toán không có cam k t **E** i v i bao thanh toán bên bán hàng trong n c khi khách hàng **L**áp ng các **L**i u ki n nh trong tr ng h p bao thanh toán không thông báo. Ngoài ra, **E** i v i các hình th c bao thanh toán khác, yêu c u có v **N**h b n cam k t th c hi n theo h ng d n t i v **N**h b n thông báo là b t bu c. C th , kho n 4 ñ i u 8 quy **E**nh nh sau:

4. **N**ên **V** bao thanh toán và khách hàng ph i th a thu n v vì c g i v **N**h b n thông báo v h p **E** ng bao thanh toán cho các bên liên quan t i h p **E** ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v (tr quy **E**nh t i kho n 6 ñ i u này) **E** các bên liên quan xem xét, cam k t th c hi n h ng d n t i v **N**h b n thông báo. Tr ng h p bên liên quan không có v **N**h b n cam k t th c hi n h ng d n t i v **N**h b n thông báo, **E** n v bao thanh toán ch **E** c th c hi n bao thanh toán bên bán hàng trong n c **E** i v i khách hàng **L**áp ng **E**y **E** các **L**i u ki n quy **E**nh t i t i t a, b kho n 6 ñ i u này **ô**.

b) **Nĩ v i ho t **E** ng bao thanh toán xu t kh u**

Quy trình bao thanh toán t i Quy t **E**nh s 1096/2004/Q ñ -NHNN (**E** c s a **E** i, b sung b i Quy t **E**nh s 30/2008/Q ñ -NHNN) quy **E**nh: **ó** **N**ĩ v i ho t **E** ng bao thanh toán xu t-nh p kh u: qui trình nghi p v bao thanh toán có th **E** c th c hi n theo quy **E**nh t i kho n 1 ñ i u này ho c **E** c th c hi n thông qua **E** n v bao thanh toán nh p kh u **ô**. Theo quy **E**nh này, **E** n v bao thanh toán bên xu t kh u **E** c l a ch n th c hi n ho c không th c hi n bao thanh toán thông qua **E** n v bao thanh toán qu c gia có bên nh p kh u.

- Trong ho t **E** ng bao thanh toán xu t kh u, thông th ng, do không n m **E** c thông tin v bên nh p kh u n c ngoài, **E** n v bao thanh toán xu t kh u s yêu c u m t **E** n v bao thanh toán qu c gia c a bên nh p kh u t i n hành kì m tra tình hình tài chính c a bên nh p kh u, th c hi n d ch v thu n và d ch v b o **E** m r i ro tín d ng bên nh p kh u. Trong tr ng h p này, khi bên nh p kh u không tr **E** c n , **E** n v bao thanh toán qu c gia c a bên nh p kh u s **E** ng ra tr n thay cho bên nh p kh u.

- **N**ĩ **E** m b o an toàn trong quá trình th c hi n bao thanh toán qu c t , D th o Thông t yêu c u ho t **E** ng bao thanh toán bên xu t kh u ph i **E** c th c hi n qua **E** n v bao thanh toán qu c gia có bên nh p kh u. D th o Thông t quy **E**nh v bao thanh toán xu t kh u t i kho n 7 ñ i u 8 nh sau:

67. **N**ội vụ bao thanh toán bên xuất khẩu, **L**ên vụ bao thanh toán chi **L**ên chi nhận bao thanh toán thông qua **L**ên vụ bao thanh toán qua gia có bên nhập khẩu dựa trên cơ sở thanh toán vì chi nhận hoạt động bao thanh toán phù hợp thông lệ quốc tế hoặc theo khuôn khổ quy định chung của mặt hàng nhập khẩu bao thanh toán quốc tế và phù hợp với quy định pháp luật của Việt Nam, trong đó có quy định về quyền, trách nhiệm của các bên, biện pháp kiểm soát rủi ro và các thủ tục lý giải tranh chấp. **N**ội vụ bao thanh toán **L**ên chi là chi nhánh hoặc ngân hàng mặt hàng quốc gia có bên nhập khẩu làm **L**ên vụ cùng tham gia bao thanh toán.

c) nội vụ về cung cấp hàng hóa, chi nhánh mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ

- Quy trình bao thanh toán tại Quy định số 1096/2004/QĐ-NHNN (Lên chi, bổ sung bởi Quy định số 30/2008/QĐ-NHNN) quy định: Bên bán hàng chuyển giao bằng kèm **bản ghi mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ**; chi nhánh mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và các chi nhánh khác liên quan **Lên** các khoản phí thu cho **Lên** vụ bao thanh toán. Nếu tài liệu nêu trên là **bản sao có chứng thực** của các quan có thẩm quyền thì do bên bán hàng, **Lên** vụ bao thanh toán thu nhận và chịu trách nhiệm với quy định **Lên** của mình khi có rủi ro phát sinh. Theo đó, theo quy định hiện hành, bên bán hàng gửi **Lên** vụ bao thanh toán bản gốc hoặc bản sao có chứng thực của các quan có thẩm quyền ghi mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; chi nhánh mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và các chi nhánh khác liên quan.

- Trên thực tế, vì chi nhánh bán hàng chuyển **Lên** vụ bao thanh toán bằng kèm **bản gốc** (hoặc bản sao có chứng thực của các quan có thẩm quyền) chi nhánh mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ gây tốn thời gian của **Lên** vụ bao thanh toán cũng như bên bán hàng. **N**ội vụ sẽ nâng chi nhánh lên và sẽ nâng tỉ lệ trên chi nhánh thì vì cơ sở đăng ký các chi nhánh mua, bán hàng hóa cung ứng dịch vụ là cần thiết và phù hợp.

- Hiện nay, NHNN đã cho phép mở TCTD, chi nhánh NHNNg thí điểm nghiệp vụ bao thanh toán mặt hàng kèm **bản gốc** chi nhánh như: Ngân hàng Deutsche Bank Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng Citibank Chi nhánh Hà Nội và Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng HSBC Việt Nam,... Với khía cạnh rủi ro, các ngân hàng có các biện pháp kiểm soát rủi ro tính xác thực của bằng kèm chi nhánh mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ mà không cần **Lên** bản gốc của chi nhánh.

- Từ lý do trên, Dự thảo Thông tư cho phép sẽ đăng ký bản sao có công chứng ghi mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và bản sao, bằng kèm chi nhánh mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ trong quá trình giao dịch của TCTD, chi nhánh NHNNg và khách hàng với Lưu ký **Lên** vụ bao thanh toán và bên liên quan có thể thanh toán chi phí pháp kiểm soát rủi ro. Cần, khoản 8, 9 của 8 quy định như sau: 68. **N**ội vụ bao thanh toán chi nhận nghiệp vụ sau khi nhận **Lên** chi **Lên** bản ghi mua, bán hàng hóa, chi nhánh mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, trình bày quy định từ khoản 9 của nội vụ này.

9. **ñ** n v bao thanh toán **L** c s d ng b n sao có công ch ng h p **L** ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v , b n sao (có ho c không có công ch ng) ho c b ng kê ch ng t mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v **L** ng tì n sau khi **L**ã th a thu n **L** c các bì n pháp t ì h p **L** ng bao thanh toán **L** **L** m b o:

a) Tính chính xác, trung th c, **L** y **L** c a b ng kê ho c b n sao không có ch ng th c so v i b n g c c a ch ng t mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v ;

b) Khách hàng và các bên liên quan không s d ng b n g c ho c b n sao có ch ng th c cho m c **L**ích tài tr khác mà không có s **L** ng ý c a **L** n v bao thanh toán**ô**.

C QUAN THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG